TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 4 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lưu Minh Đoàn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. bà Trần Thị Hoài.
2. ông Trịnh Văn Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Trình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị N H H - sinh năm 1980.
Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.
2. Bị đơn: anh Đ Q L - sinh năm 1975.
Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt - không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N H H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đậu Q L kết hôn ngày 14/7/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh là tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh L về sống chung với nhau tại thôn Đ, xã ĐT, huyện TC; thời gian đầu cuộc sống vợ chồng vẫn hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L còn luôn ghen tuông vô cớ, nhiều lần xúc phạm lăng mạ chị bằng những lời thô tục. Năm 2019, chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh L và được Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình, nhưng đến nay vợ chồng không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không còn biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn. Nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh L, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh Đ Q L có 02 con chung là Đ N B - sinh ngày 03/5/2003 và Đ N H - sinh ngày 18/4/2012. Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Đ N H cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Con Đ N B đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, vay nợ chung: chị N H H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đậu Q L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị N H H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 14/7/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn Đ, xã T, huyện TC được nhiều năm hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như chị H trình bày là đúng. Nay vợ chồng sống ly thân đã lâu, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

- *Về con chung:* anh L công nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Khi ly hôn anh L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Đ N H - sinh ngày 18/4/2012 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh L không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con Đ N B đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, vay nợ chung:* anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn của chị N H H, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đ Q L cư trú tại huyện TC, tỉnh Quảng Ninh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đ Q L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị N H H và anh Đ Q L đăng ký kết hôn ngày 14/7/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh là tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị H và anh L chung

sống hạnh phúc được thời gian dài thì đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không còn hợp nhau, anh L còn ghen tuông vô cớ, nhiều lần lăng mạ, xúc phạm chị H, dẫn đến tình cảm của vợ chồng bị ảnh hưởng nặng nề, mối quan hệ vợ chồng rạn nứt, vợ chồng không tiếp tục chung sống với nhau nữa. Từ tháng 10 năm 2023 đến nay, chị H và anh L sống ly thân mỗi người một nơi để có thời gian bình tâm, suy nghĩ, tránh việc mâu thuẫn có thể trầm trọng hơn. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh L xác định không còn tình cảm với nhau, chị H và anh L đều đồng ý ly hôn; tại phiên tòa chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh L. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đến nay không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị H có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N H H.

[3] *Về con chung:* chị H và anh L có 02 con chung là Đ N B - sinh ngày 03/5/2003 và Đ N H - sinh ngày 18/4/2012. Cháu Đ N B đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, chị H và anh L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Hiện nay cháu Đ N H đang trực tiếp ở cùng chị H và được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đầy đủ về mọi mặt, bao gồm nhu cầu sinh hoạt cũng như việc học tập. Xét điều kiện nuôi con, ý kiến của chị H, anh L và nguyện vọng của cháu H mong muốn được ở cùng chị H để được quen với điều kiện, môi trường sống và được mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt; Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Đ N H cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung là đảm bảo được quyền lợi chính đáng của con chung và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, vay nợ chung:* chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về ý kiến phát biểu nhận xét việc chấp hành Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, của các đương sự và đề nghị nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] *Về án phí:* chị N H H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị N H H.

Về quan hệ hôn nhân: chị N H H được ly hôn anh Đ Q L.

Về con chung: giao cho chị N H H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đ N H - sinh ngày 18/4/2012 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh Đ Q L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ Q L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con H mà không ai được cản trở. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005554 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/4/2024. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TC;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- CCTHADS huyện TC;
- UBND xã T, huyện TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Minh Đoàn